



# BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI MIỀN NAM



## BẢN TIN TUẦN 09 ĐỢT ĐO NGÀY 05/04/2023 DỰ BÁO 14/04 – 20/04/2023

**NHIỆM VỤ  
GIÁM SÁT, DỰ BÁO CHẤT LƯỢNG NƯỚC TRONG HỆ THỐNG  
CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NAM MĂNG THÍT, PHỤC VỤ LẤY NƯỚC  
SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP**

**Thành phố Hồ Chí Minh, 2023**



NHIỆM VỤ  
GIÁM SÁT, DỰ BÁO CHẤT LƯỢNG NƯỚC TRONG HỆ THỐNG  
CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NAM MĂNG THÍT, PHỤC VỤ LẤY NƯỚC  
SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

**BẢN TIN TUẦN 09  
ĐỢT ĐO NGÀY 05/04/2023  
DỰ BÁO 14/04 – 20/04/2023**

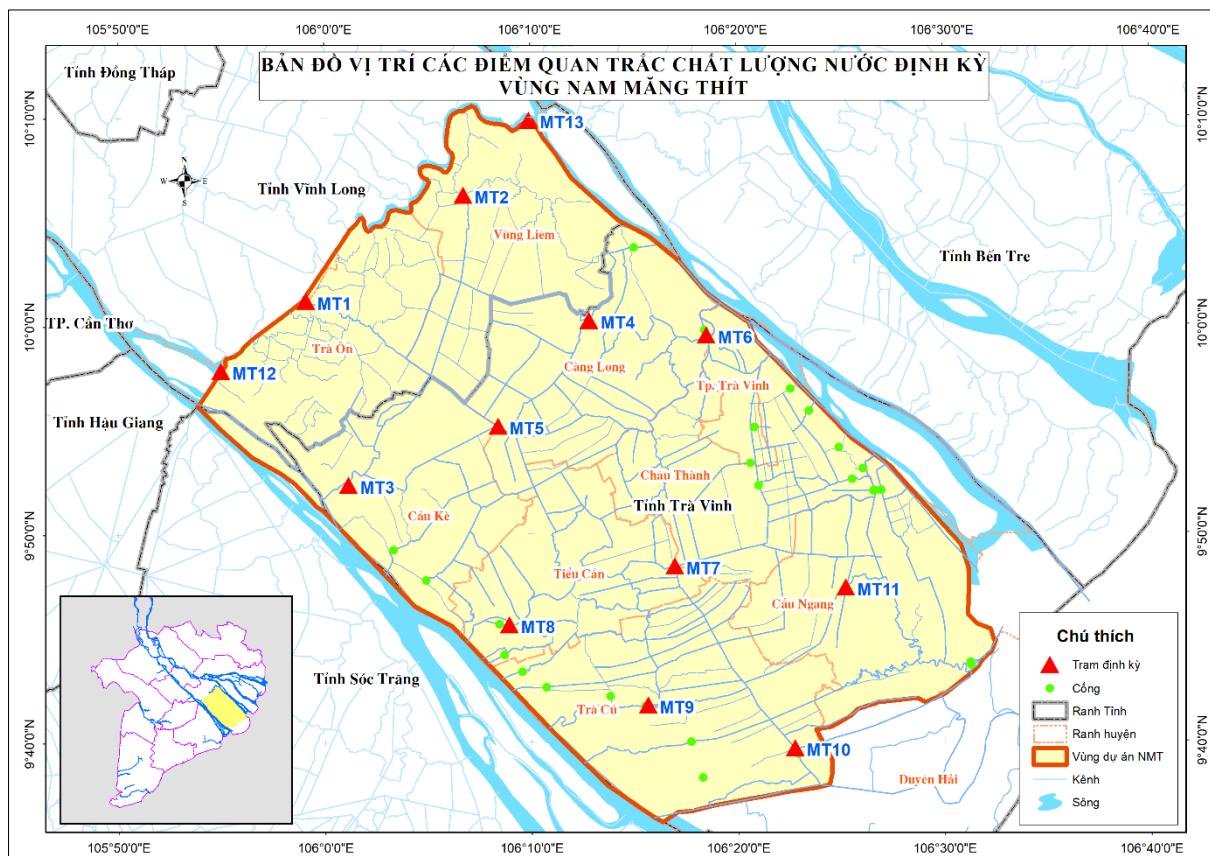
**Đơn vị thực hiện  
VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI MIỀN NAM**

Thực hiện: Phòng Khoa học Công nghệ & HTQT  
và Trung tâm Chất lượng nước & MT

## I. Kết quả giám sát chất lượng nước ngày 05 tháng 04 năm 2023

### 1. Vị trí lấy mẫu

Vị trí các trạm giám sát, dự báo chất lượng nước được đặt ở những điểm các kênh trực quan trọng trong khu vực nội đồng, có tầm ảnh hưởng lớn đến các khu vực xung quanh. Những kênh có cống thì trạm dự báo được đặt gần cống, phía trong đồng nhằm mục đích đánh giá được chính xác và tổng quan nhất mức độ ô nhiễm của nguồn nước khi vận hành công trình. Nhiệm vụ quan trắc 13 điểm phục vụ giám sát, dự báo chất lượng nước được trình bày trong hình sau:



Hình 1. Bản đồ vị trí các trạm quan trắc chất lượng nước định kỳ

Bảng 1. Thông tin vị trí các trạm quan trắc chất lượng nước định kỳ

TT	Ký hiệu	Vị trí điểm đo	Tọa độ điểm quan trắc	
			X	Y
1	MT1	Đầu sông Trà Ngoa	607.966	1.107.801
2	MT2	Kênh Bưng Trường, Cống Bàu Xép	621.886	1.117.202
3	MT3	Đầu kênh Bông Bót	611.764	1.091.528
4	MT4	Kênh Mây Túc – Ngã Hậu	633.059	1.106.117

TT	Ký hiệu	Vị trí điểm đo	Tọa độ điểm quan trắc	
			X	Y
5	MT5	Kênh Trà Ngoa	625.008	1.096.756
6	MT6	Cống Láng Thé	643.446	1.104.839
7	MT7	Rạch Càn Chông	640.652	1.084.401
8	MT8	Cống Càn Chông	625.998	1.079.177
9	MT9	Cống Trà Cú	638.320	1.072.074
10	MT10	Cống La Bang	651.316	1.068.315
11	MT11	Kênh Ba So	655.796	1.082.521
12	MT12	Sông Măng Thít	600.450	1.101.604
13	MT13	Sông Măng Thít	627.688	1.123.852

## 2. Kết quả tính toán chất lượng nước và khuyến cáo sử dụng nguồn nước

Bảng 2. Kết quả đo đặc chất lượng nước

TT	Ký hiệu	pH	Cl <sup>-</sup>	TSS	SAR	BOD <sub>5</sub>	COD	DO	NH <sub>4</sub> <sup>+</sup>	NO <sub>2</sub> <sup>-</sup>	NO <sub>3</sub> <sup>-</sup>	PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup>	Coli-form	WQI	Khuyến cáo
			mg/L	mg/L		mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	MPN/100mL		
1	MT01	6.72	41.5	55	0.55	2.43	4.64	6.25	0.000	0.010	0.472	0.042	430	98	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức rất tốt đảm bảo cho việc lấy nước phục vụ tưới tiêu, trồng trọt và sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần biện pháp xử lý phù hợp vì hàm lượng TSS cao hơn giới hạn B1 theo QCVN08:15.
2	MT02	6.63	106	92	1.17	2.71	4.08	5.87	0.007	0.011	0.432	0.055	930	97	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức rất tốt đảm bảo cho việc lấy nước phục vụ tưới tiêu, trồng trọt và sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần biện pháp xử lý phù hợp vì hàm lượng TSS cao hơn giới hạn B1 theo QCVN08:15.
3	MT03	7.11	326	38	6.39	3.63	5.28	6.77	0.005	0.014	0.075	0.010	2.400	100	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức rất tốt đảm bảo cho việc lấy nước phục vụ tưới tiêu, trồng trọt và sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần biện pháp xử lý phù hợp.
4	MT04	7.10	39.5	33	2.95	2.77	4.00	7.17	0.000	0.031	0.328	0.042	930	100	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức rất tốt đảm bảo cho việc lấy nước phục vụ tưới tiêu, trồng trọt và sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần biện pháp xử lý phù hợp.

TT	Ký hiệu	pH	Cl <sup>-</sup>	TSS	SAR	BOD <sub>5</sub>	COD	DO	NH <sub>4</sub> <sup>+</sup>	NO <sub>2</sub> <sup>-</sup>	NO <sub>3</sub> <sup>-</sup>	PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup>	Coli-form	WQI	Khuyên cáo
			mg/L	mg/L		mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	MPN/100mL		
5	MT05	6.62	78.3	<b>64</b>	1.34	2.09	4.80	4.90	0.008	<b>0.199</b>	0.056	0.087	2.400	<b>87</b>	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức tốt đảm bảo cho việc lấy nước phục vụ tưới tiêu, trồng trọt và sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần biện pháp xử lý phù hợp. Cần lưu ý giá trị NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> và TSS cao hơn quy chuẩn theo QCVN08:15; NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> có thể gây độc hại đến sinh vật.
6	MT06	7.28	141	34	2.67	2.21	4.32	7.10	0.010	0.016	0.077	0.016	90	<b>100</b>	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức rất tốt đảm bảo cho việc lấy nước phục vụ tưới tiêu, trồng trọt và sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần biện pháp xử lý phù hợp.
7	MT07	6.92	154	40	2.76	3.29	6.96	6.77	0.316	<b>0.112</b>	0.194	0.070	930	<b>88</b>	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức tốt đảm bảo cho việc lấy nước phục vụ tưới tiêu trồng trọt của người dân, Ngoài ra, nguồn nước còn có thể sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần biện pháp xử lý phù hợp. Cần lưu ý giá trị NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> cao hơn quy chuẩn theo QCVN08:15; cần làm dòng chảy thông thoáng để tăng lượng oxy hòa tan để chuyển NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> thành nitrat.
8	MT08	7.05	316	20	4.76	3.11	6.32	7.08	0.092	0.010	0.706	0.021	230	<b>100</b>	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức rất tốt đảm bảo cho việc lấy nước phục vụ tưới tiêu, trồng trọt và sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần biện pháp xử lý phù hợp.

Nhiệm vụ Giám sát, dự báo chất lượng nước  
trong HT C TTL Nam Măng Thít, phục vụ  
lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2023

Đơn vị thực hiện  
Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam

TT	Ký hiệu	pH	Cl <sup>-</sup>	TSS	SAR	BOD <sub>5</sub>	COD	DO	NH <sub>4</sub> <sup>+</sup>	NO <sub>2</sub> <sup>-</sup>	NO <sub>3</sub> <sup>-</sup>	PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup>	Coli-form	WQI	Khuyên cáo
			mg/L	mg/L		mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	MPN/100mL		
9	MT09	6.59	319	24	6.25	3.41	6.24	5.22	0.155	0.040	0.111	0.034	930	97	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức rất tốt đảm bảo cho việc lấy nước phục vụ tưới tiêu, trồng trọt và sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần biện pháp xử lý phù hợp.
10	MT10	6.85	358	21	5.30	2.31	4.64	6.50	0.359	0.048	0.339	0.036	90	96	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức rất tốt, hạn chế dùng cho mục đích tưới tiêu vì clorua (độ mặn) cao hơn quy chuẩn B1 theo QCVN08:15 không thích hợp cho những cây trồng chịu ngọt.
11	MT11	6.98	539	26	7.53	2.34	4.32	5.02	0.055	0.008	0.072	0.013	230	96	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức rất tốt, hạn chế dùng cho mục đích tưới tiêu vì clorua (độ mặn) cao hơn quy chuẩn B1 theo QCVN08:15 không thích hợp cho những cây trồng chịu ngọt.
12	MT12	7.09	29.3	22	0.38	2.21	4.40	6.86	0.000	0.061	0.032	0.009	230	91	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức rất tốt đảm bảo cho việc lấy nước phục vụ tưới tiêu, trồng trọt và sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần biện pháp xử lý phù hợp. Cần lưu ý giá trị NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> cao hơn quy chuẩn theo QCVN08:15; có thể gây độc hại đến sinh vật.

TT	Ký hiệu	pH	Cl <sup>-</sup>	TSS	SAR	BOD <sub>5</sub>	COD	DO	NH <sub>4</sub> <sup>+</sup>	NO <sub>2</sub> <sup>-</sup>	NO <sub>3</sub> <sup>-</sup>	PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup>	Coli-form	WQI	Khuyên cáo
			mg/L	mg/L		mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	MPN/100mL		
13	MT13	7.08	32.6	27	0.53	2.68	4.08	6.84	0.000	0.008	0.062	0.005	9.300	66	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức trung bình, có thể sử dụng cho lấy nước tưới tiêu trồng trọt. Hạn chế sử dụng nguồn nước cho mục đích sinh hoạt khi chưa được xử lý vì coliform cao hơn quy chuẩn B1 theo QCVN08:15.
	QCVN08:2015/ BTNMT2 cột A2	6,00 ÷ 8,50	350	30		6	15	≥ 5	0.3	0.05	5	0,2	5.000		
	QCVN08:2015/ BTNMT cột B1	5,50 ÷ 9,00	350	50		15	30	≥ 4	0.9	0.05	10	0,3	7.500		

\* Các giá trị in đậm là các giá trị vượt ngưỡng cho phép.

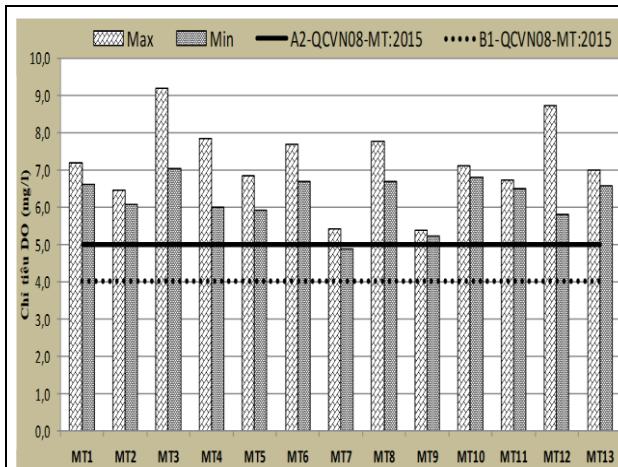
**Ghi chú:** Thang đo giá trị WQI và mức đánh giá chất lượng nước tương ứng

Giá trị WQI	Mức đánh giá chất lượng nước (phù hợp sử dụng)
91 - 100	Rất tốt, cấp nước cho sinh hoạt
76 - 90	Tốt, cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp
51 - 75	Trung bình, cấp tưới tiêu và các mục đích tương đương khác
26 - 50	Kém, giao thông thủy và các mục đích tương đương khác
10 - 25	Ô nhiễm nặng, nước ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai
< 10	Ô nhiễm rất nặng

## II. Dự báo chất lượng nước từ ngày 14/04/2023 đến ngày 20/04/2023

Các dự báo về chất lượng nước từ ngày 14/04/2023 đến ngày 20/04/2023 được thể hiện chi tiết trong bảng sau:

### a. Chỉ tiêu DO



Hình 2. Giá trị DO dự báo

Dự báo giá trị biến động của chỉ tiêu DO trong 7 ngày tiếp theo biến đổi từ 4,9 mg/l đến 9,2 mg/l.

Các vị trí ở phía đầu nguồn như MT1, MT2, MT3, MT6, MT12, MT13 gần các sông Mang Thít, sông Hậu và sông Cố Chiên nên giá trị DO đều cao.

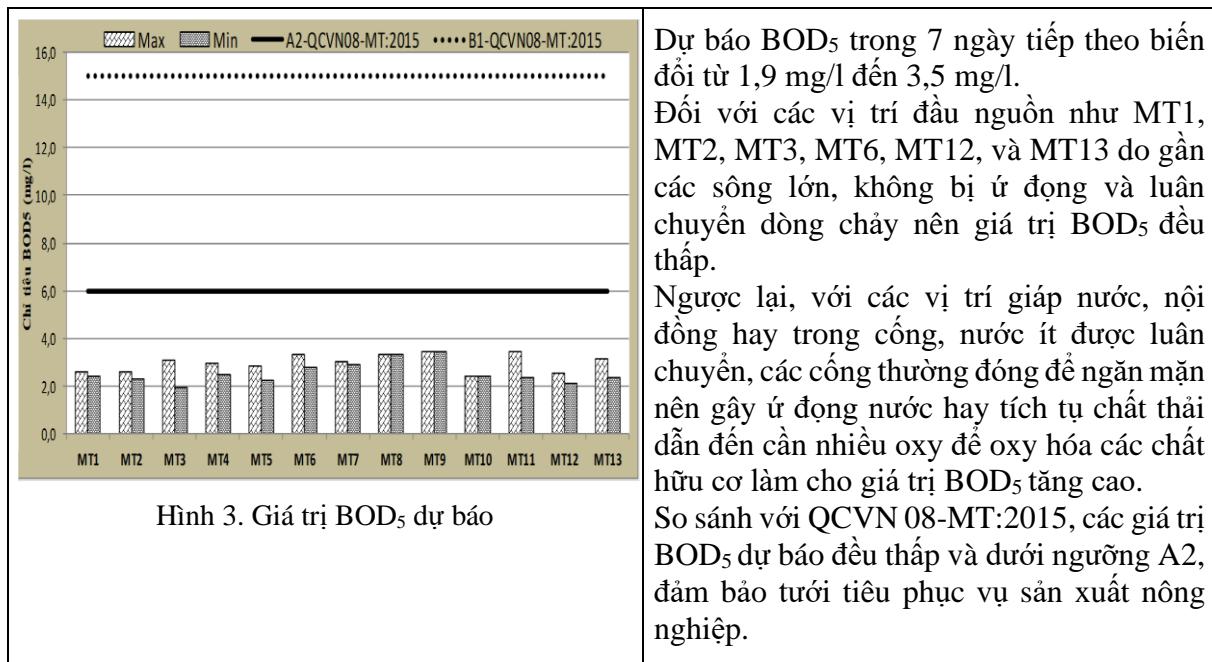
Các vị trí giáp nước, cuối nguồn và các vị trí sau cống như các điểm MT4, MT5, MT7, MT8, MT9, MT10, và MT11 có giá trị DO thấp hơn do nước ít được luân chuyển.

So sánh với QCVN08-MT:2015, các giá trị dự báo đều đạt ngưỡng A2. Chất lượng nước đảm bảo trước tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Bảng 3. Kết quả dự báo thông số DO các trạm từ ngày 14/04/2023 đến ngày 20/04/2023

TT	Trạm	Đơn vị: mg/l						
		14/04	15/04	16/04	17/04	18/04	19/04	20/04
1	MT1	6,82	6,59	6,83	7,05	6,85	7,06	7,20
2	MT2	6,11	6,06	6,06	6,16	6,38	6,44	6,40
3	MT3	7,05	7,34	7,71	7,97	8,24	8,75	9,18
4	MT4	5,99	6,14	6,55	7,06	7,43	7,86	7,81
5	MT5	5,93	5,99	6,07	6,56	6,61	6,79	6,83
6	MT6	6,67	6,73	6,82	7,37	7,43	7,65	7,69
7	MT7	5,42	5,34	5,27	5,20	5,13	5,06	4,90
8	MT8	6,68	7,30	7,29	7,50	7,52	7,76	7,76
9	MT9	5,33	5,31	5,31	5,33	5,36	5,38	5,23
10	MT10	6,98	6,85	6,87	6,98	7,12	7,10	6,80
11	MT11	6,56	6,56	6,54	6,66	6,72	6,69	6,51
12	MT12	6,49	5,85	5,80	6,64	7,76	8,47	8,73
13	MT13	7,00	6,85	6,80	6,75	6,59	6,58	6,57

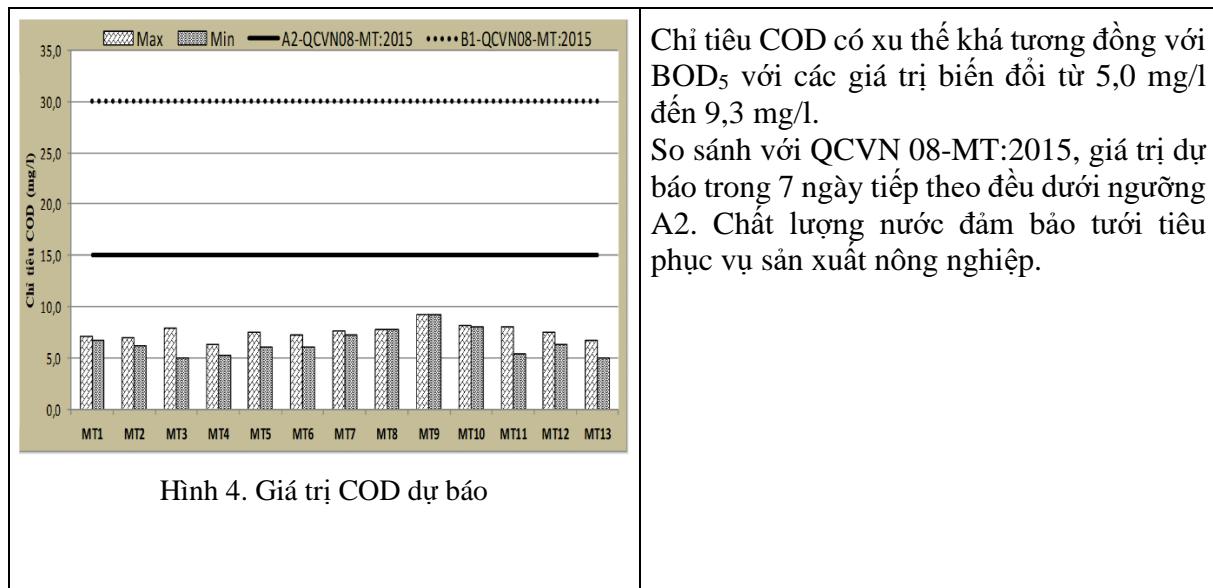
## b. Chỉ tiêu BOD<sub>5</sub>



Bảng 4. Kết quả dự báo thông số BOD<sub>5</sub> các trạm từ ngày 14/04/2023 đến ngày 20/04/2023

TT	Trạm	Đơn vị: mg/l						
		14/04	15/04	16/04	17/04	18/04	19/04	20/04
1	MT1	2,44	2,58	2,60	2,49	2,57	2,63	2,58
2	MT2	2,51	2,32	2,44	2,52	2,53	2,55	2,63
3	MT3	3,07	3,07	3,07	2,69	2,50	2,11	1,92
4	MT4	2,92	2,95	2,96	2,85	2,73	2,59	2,51
5	MT5	2,63	2,78	2,82	2,67	2,51	2,32	2,25
6	MT6	2,79	2,89	3,00	3,10	3,19	3,29	3,35
7	MT7	2,93	2,91	2,92	2,94	3,00	3,03	3,05
8	MT8	3,33	3,33	3,34	3,35	3,36	3,35	3,34
9	MT9	3,47	3,47	3,47	3,47	3,47	3,47	3,47
10	MT10	2,42	2,40	2,41	2,41	2,42	2,43	2,44
11	MT11	2,88	3,24	3,43	3,13	2,80	2,56	2,34
12	MT12	2,13	2,20	2,26	2,20	2,56	2,53	2,52
13	MT13	2,77	3,08	3,13	2,83	2,43	2,36	2,34

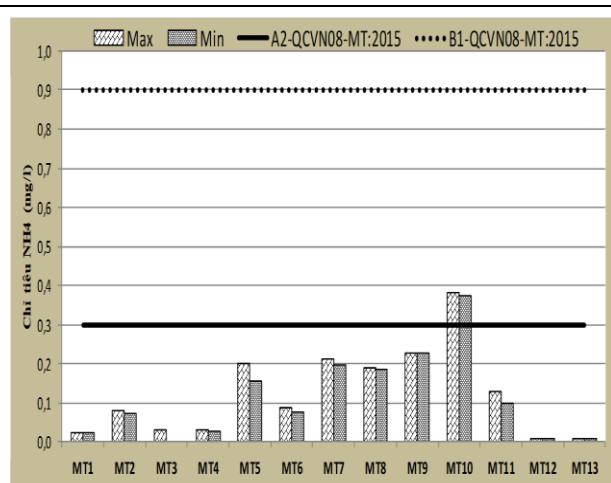
### c. Chỉ tiêu COD



Bảng 5. Kết quả dự báo thông số COD các trạm từ ngày 14/04/2023 đến ngày 20/04/2023

<b>TT</b>	<b>Trạm</b>	<i>Đơn vị: mg/l</i>						
		<b>14/04</b>	<b>15/04</b>	<b>16/04</b>	<b>17/04</b>	<b>18/04</b>	<b>19/04</b>	<b>20/04</b>
1	MT1	6,67	7,06	7,12	6,81	7,03	7,18	7,06
2	MT2	6,69	6,18	6,51	6,72	6,76	6,79	7,01
3	MT3	7,94	7,94	7,94	6,94	6,45	5,46	4,96
4	MT4	6,17	6,25	6,27	6,03	5,78	5,48	5,30
5	MT5	7,01	7,42	7,53	7,12	6,70	6,19	6,01
6	MT6	6,05	6,27	6,49	6,71	6,92	7,13	7,25
7	MT7	7,32	7,27	7,30	7,35	7,50	7,57	7,62
8	MT8	7,76	7,78	7,80	7,83	7,83	7,82	7,80
9	MT9	9,24	9,25	9,25	9,26	9,26	9,26	9,26
10	MT10	8,05	8,00	8,02	8,04	8,07	8,09	8,12
11	MT11	6,72	7,56	7,99	7,30	6,54	5,97	5,46
12	MT12	6,27	6,49	6,68	6,49	7,54	7,46	7,43
13	MT13	5,99	6,67	6,78	6,14	5,26	5,11	5,07

d. Chỉ tiêu  $\text{NH}_4^+$



Hình 5. Giá trị  $\text{NH}_4^+$  dự báo

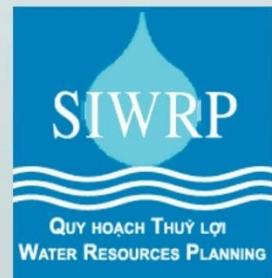
Giá trị  $\text{NH}_4^+$  dự báo biến đổi từ 0,000 mg/l đến 0,382 mg/l.

Đối với các vị trí đầu nguồn, gần sông lớn như MT1, MT2, MT3, MT6, MT12, và MT13, giá trị  $\text{NH}_4^+$  thường thấp do nước luôn được luân chuyển.

Với các vị trí giáp nước, nội đồng và trong công như MT4, MT5, MT7, MT8, MT9, MT10, và MT11, giá trị  $\text{NH}_4^+$  thường cao do nước ít được luân chuyển, công thường đóng ngăn mặn gây ú đọng, tích tụ chất thải. So sánh với QCVN 08-MT:2015, các giá trị tại vị trí nguồn cấp đều thấp dưới ngưỡng A2, phần lớn các vị trí nội đồng và trong công cao hơn và dưới ngưỡng A2. Ngoại trừ, vị trí MT10 dự báo có giá trị  $\text{NH}_4^+$  cao hơn ngưỡng A2, nhưng dưới ngưỡng B1. Chất lượng nước cơ bản đảm bảo tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt. Khuyến cáo: Không nên sử dụng nguồn nước trực tiếp cho mục đích sinh hoạt tại khu vực tại vị trí MT10. Trường hợp bắt buộc lấy nước cần phải xử lý trước hoặc lấy từ từ và theo dõi biến hiện. Địa phương cần thường xuyên theo dõi để chủ động trong công tác kiểm soát dịch bệnh do ô nhiễm nguồn nước gây ra.

Bảng 6. Kết quả dự báo thông số  $\text{NH}_4$  các trạm từ ngày 14/04/2023 đến ngày 20/04/2023

TT	Trạm	Đơn vị: mg/l						
		14/04	15/04	16/04	17/04	18/04	19/04	20/04
1	MT1	0,025	0,025	0,025	0,025	0,025	0,025	0,025
2	MT2	0,076	0,073	0,075	0,076	0,075	0,075	0,080
3	MT3	0,030	0,030	0,030	0,030	0,000	0,000	0,000
4	MT4	0,030	0,032	0,032	0,031	0,029	0,028	0,027
5	MT5	0,191	0,202	0,201	0,186	0,176	0,159	0,155
6	MT6	0,074	0,077	0,079	0,081	0,083	0,085	0,086
7	MT7	0,202	0,198	0,197	0,197	0,202	0,207	0,210
8	MT8	0,189	0,189	0,189	0,189	0,189	0,188	0,187
9	MT9	0,227	0,227	0,227	0,226	0,226	0,226	0,225
10	MT10	0,378	0,375	0,378	0,380	0,380	0,381	0,382
11	MT11	0,111	0,122	0,128	0,120	0,111	0,105	0,099
12	MT12	0,010	0,010	0,010	0,010	0,010	0,010	0,010
13	MT13	0,008	0,009	0,009	0,008	0,007	0,007	0,007



Viện Quy hoạch  
Thủy lợi Miền Nam



## **Tầm nhìn:**

**Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam** luôn phấn đấu không ngừng về khoa học, công nghệ, sẵn sàng đáp ứng mọi yêu cầu ngày càng cao của xã hội đối với ngành nước trên nền tảng kinh tế, kỹ thuật, môi trường và an sinh xã hội.

## **Sứ mạng:**

**Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam** là đơn vị chuyên ngành về quy hoạch thủy lợi, với chức năng nghiên cứu lập quy hoạch thủy lợi nhằm điều hòa, sử dụng, bảo vệ và phát triển bền vững nguồn nước, môi trường nước phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội các tỉnh, thành phía Nam.

# **BẢN TIN TUẦN 09 ĐỢT ĐO NGÀY 05/04/2023 DỰ BÁO 14/04 – 20/04/2023**

Địa chỉ liên hệ:

Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam  
271/3, An Dương Vương, Phường 3, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh  
ĐT: (84-8) 38 350 850      Fax: (84-8) 3835 1721  
E-mail: [siwarp@hcm.fpt.vn](mailto:siwarp@hcm.fpt.vn)

